

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ
TRƯỜNG LONG**

MỤC LỤC

| | Trang |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 13 - 33 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kỹ thuật và ô tô Trường Long (được chuyển đổi từ Công ty TNHH ô tô chuyên dùng Trường Long, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 044382, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 02 năm 1998) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301384695, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 03 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 80.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

| Cổ đông | Số tiền (VND) | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------------|-----------------------|---------------|
| Sumitomo Corporation | 20.444.430.000 | 25,56 |
| Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm | 20.254.310.000 | 25,32 |
| Chairatchakarn (BangKok) Co., LTD | 14.400.000.000 | 18,00 |
| Ông Lã Văn Trường Sơn | 13.113.450.000 | 16,39 |
| Bà Lã Thị Thanh Phương | 701.200.000 | 0,88 |
| Các cổ đông khác | 11.086.610.000 | 13,85 |
| Cộng | 80.000.000.000 | 100,00 |

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 19 tháng 10 năm 2010 với mã chứng khoán là HTL.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 3754 3188

Fax : (84-8) 3754 3189

Mã số thuế : 0301384695

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Chi nhánh Vĩnh Long | Lô 1A, 1B, A11, A12 Khu công nghiệp Bình Minh, Thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xe ô tô, xe chuyên dùng và phụ tùng xe các loại; Đại lý ký gởi hàng hóa; Dịch vụ thương mại; Cho thuê xe các loại; Sửa chữa ô tô; Thiết kế, thi công, cải tạo đóng mới các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ; Sản xuất xe chuyên dùng, gia công cơ khí; Bảo trì các phương tiện vận tải cơ giới đường bộ; Kinh doanh nhà; Môi giới bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng; Dịch vụ đăng kiểm xe cơ giới; Đại lý bảo hiểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận khoản thu nhập khác bao gồm thưởng doanh số mua hàng và tiền hỗ trợ với số tiền là 13.069.257.820 VND do nhà phân phối chính là Công ty liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam đưa ra chính sách thưởng bán hàng cao và các đại lý đều giảm giá bán để nhận tiền thưởng. Đây là nguyên nhân chính góp phần làm cho lợi nhuận trong kỳ gia tăng và lợi nhuận gộp giảm đáng kể.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 06 tháng 6 năm 2014 như sau:

| | Tỷ lệ | VND |
|--------------------------------------------------|------------------------|----------------------|
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 15% lợi nhuận sau thuế | 3.165.504.325 |
| Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | | 530.000.000 |
| Chia cổ tức | 20% vốn điều lệ | 16.000.000.000 |
| <i>Trong đó đã tạm ứng cổ tức trong năm 2013</i> | <i>5% vốn điều lệ</i> | <i>4.000.000.000</i> |

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|----------------------|-----------------|
| Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm | Chủ tịch | 29 tháng 5 năm 2012 | - |
| Ông Lê Văn Trường Sơn | Thành viên | 29 tháng 5 năm 2012 | - |
| Bà Lê Thị Thanh Phương | Thành viên | 29 tháng 5 năm 2012 | - |
| Bà Laura Burke | Thành viên | 29 tháng 5 năm 2012 | - |
| Ông Satoshi Tsukada | Thành viên | 11 tháng 11 năm 2013 | - |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Bà Phan Thị Thanh Thúy | Trưởng ban | 29 tháng 5 năm 2012 | - |
| Ông Hồ Thành An | Thành viên | 29 tháng 5 năm 2012 | - |
| Bà Hồ Thị Hoa | Thành viên | 24 tháng 4 năm 2013 | - |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------------------|----------------------|-----------------|
| Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm | Giám đốc | 22 tháng 01 năm 2007 | - |
| Ông Lê Văn Trường Sơn | Giám đốc điều hành | 02 tháng 3 năm 2007 | - |
| Bà Lê Thị Thanh Phương | Phó Giám đốc điều hành | 16 tháng 7 năm 2007 | - |

000498
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ Ô
TÔ TRƯỜNG
LONG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

000498
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ Ô
TÔ TRƯỜNG
LONG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần kỹ thuật và ô tô Trường Long tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lã Thị Thanh Phương
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 14 tháng 8 năm 2014



Số: 0675/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần kỹ thuật và ô tô Trường Long gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, được lập ngày 31 tháng 7 năm 2014, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Bùi Thị Ngọc Anh - Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1491-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 216.182.984.619 | 174.081.939.335 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 10.656.037.508 | 42.270.420.266 |
| 1. Tiền | 111 | | 5.656.037.508 | 11.350.420.266 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 5.000.000.000 | 30.920.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 4.108.000.000 | 4.108.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 4.108.000.000 | 4.108.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu | 130 | | 19.497.584.992 | 26.816.699.964 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | V.3 | 8.260.753.123 | 25.561.257.314 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 11.170.691.327 | 949.476.500 |
| 3. Phải thu nội bộ | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 1.072.162.542 | 1.133.366.150 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | V.6 | (1.006.022.000) | (827.400.000) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 171.171.571.381 | 98.921.626.605 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 171.171.571.381 | 98.921.626.605 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 10.749.790.738 | 1.965.192.500 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 1.263.396.261 | 674.545.093 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 7.978.223.357 | 489.919.060 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.17 | 11.378.372 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.9 | 1.496.792.748 | 800.728.347 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 52.331.270.149 | 54.371.470.811 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 50.817.662.097 | 52.645.889.029 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 20.852.500.920 | 22.323.345.573 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 35.938.286.657 | 35.785.114.840 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (15.085.785.737) | (13.461.769.267) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 29.965.161.177 | 30.322.543.456 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 34.345.206.261 | 34.283.090.011 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (4.380.045.084) | (3.960.546.555) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.513.608.052 | 1.725.581.782 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.12 | 1.329.357.402 | 1.543.641.390 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | 101.406.250 | 99.095.992 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 82.844.400 | 82.844.400 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 268.514.254.768 | 228.453.410.146 |

30448
 ÔNG
 + NHIỆM
 TOÁN V
 A &
 H-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 172.844.377.440 | 127.986.052.721 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 172.030.607.163 | 127.193.284.788 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.14 | 21.177.245.250 | - |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.15 | 10.521.650.160 | 93.464.266.646 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.16 | 119.151.057.134 | 26.744.281.580 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.17 | 2.003.143.951 | 2.079.570.647 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.18 | 2.062.044.770 | 1.374.818.095 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.19 | 409.247.230 | 832.417.236 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.20 | 13.583.089.831 | 1.432.932.917 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.21 | 3.123.128.837 | 1.264.997.667 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 813.770.277 | 792.767.933 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.22 | 813.770.277 | 792.767.933 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 95.669.877.328 | 100.467.357.425 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 95.669.877.328 | 100.467.357.425 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.23 | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.23 | 15.669.877.328 | 20.467.357.425 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 268.514.254.768 | 228.453.410.146 |

315-C
 TỶ
 HỮU H
 Ậ TỰ V
 C
 HỒ QU

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại : Dollar Mỹ (USD) | | 23.210 | 18.515,96 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2014

Đặng Thị Thanh Hiếu
Kế toán trưởng



Lã Thị Thanh Phương
Phó Giám đốc điều hành



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 227.646.579.943 | 200.557.318.799 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | - | 34.545.455 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 227.646.579.943 | 200.522.773.344 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 213.281.009.989 | 179.577.313.742 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 14.365.569.954 | 20.945.459.602 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 665.706.370 | 609.122.959 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 466.767.112 | 915.134.809 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 387.678.582 | 844.915.929 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 7.450.640.448 | 6.857.812.808 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 6.066.143.066 | 5.100.472.840 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 1.047.725.698 | 8.681.162.104 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 13.069.257.820 | 873.392.168 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | 3.731.400 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 13.069.257.820 | 869.660.768 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 14.116.983.518 | 9.550.822.872 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.17 | 3.221.269.548 | 1.716.787.486 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.13 | (2.310.258) | 2.557.000 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>10.898.024.228</u> | <u>7.831.478.386</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | <u>1.362</u> | <u>979</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2014

Đặng Thị Thanh Hiếu
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2014

Lê Thị Thanh Phương
Phó Giám đốc điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | - | |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.10, V.11 | 2.043.514.999 | 2.029.280.364 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | 178.622.000 | (64.423.800) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.3, VI.4 | 41.575.430 | 41.048.964 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (592.624.289) | (502.974.893) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 387.678.582 | 844.915.929 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 16.175.750.240 | 11.898.669.436 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (992.739.098) | (18.019.095.564) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (72.249.944.776) | (14.781.950.402) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 9.339.255.096 | 30.314.126.412 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (374.567.180) | (101.258.718) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | VI.4 | (387.678.582) | (844.915.929) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.17 | (3.314.247.144) | (903.900.504) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.21 | (1.307.373.155) | (730.867.798) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (53.111.544.599) | 6.830.806.933 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.10, V.11 | (215.288.067) | (305.089.691) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (53.543.262) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.3 | 530.109.289 | 375.384.725 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 314.821.222 | 16.751.772 |

31
01
0
HU
TR
TÁ
N: 09/6
C
TRÁCH
KIỂM T
V. BÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.14 | 45.960.066.182 | 26.268.269.801 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.14 | (24.782.820.932) | (31.683.022.526) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (3.997.406.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 21.177.245.250 | (9.412.158.725) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (31.619.478.127) | (2.564.600.020) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | VI.1 | 42.270.420.266 | 14.140.894.088 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 5.095.369 | 5.177.351 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | VI.1 | 10.656.037.508 | 11.581.471.419 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2014



Đặng Thị Thanh Hiếu
Kế toán trưởng



Lã Thị Thanh Phương
Phó Giám đốc điều hành

130
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

0441
ÔNG
NHIỆM
DÂN
&
-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xe ô tô, xe chuyên dùng và phụ tùng xe các loại; Đại lý ký gửi hàng hóa; Dịch vụ thương mại; Cho thuê xe các loại; Sửa chữa ô tô; Thiết kế, thi công, cải tạo đóng mới các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ; Sản xuất xe chuyên dùng, gia công cơ khí; Bảo trì các phương tiện vận tải cơ giới đường bộ; Đại lý bảo hiểm.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 258 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 231 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận khoản thu nhập khác bao gồm thưởng doanh số mua hàng và tiền hỗ trợ với số tiền là 13.069.257.820 VND do nhà phân phối chính là Công ty liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam đưa ra chính sách thưởng bán hàng cao và các đại lý đều giảm giá bán để nhận tiền thưởng. Đây là nguyên nhân chính góp phần làm cho lợi nhuận trong kỳ gia tăng và lợi nhuận gộp giảm đáng kể.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

815-C
TY
HỮU H
Ả TƯ VÀ
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định như sau:

- Giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa được tính theo giá bình quân gia quyền. Riêng đầu xe và thân xe được tính theo phương pháp thực tế đích danh.
- Giá trị sản phẩm dở dang bao gồm chi phí của đầu xe, thân xe, nguyên liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
- Giá thành phẩm được tính theo phương pháp thực tế đích danh bao gồm chi phí của xe sau khi lắp đặt và chế tạo thân xe.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 03 |

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất từ 40 đến 47 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tùy thuộc vào thời gian sử dụng hữu ích của từng loại chi phí.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc là $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) của tháng cuối cùng trong kỳ kế toán cho 01 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Tăng, giảm số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

00
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

TRÁCH
KIỂM T
TÂN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2014 : 21.300 VND/USD
31/12/2013 : 21.085 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

10/1/2015

04491

ÔNG
NHIỆM
DÂN VÀ
&

T.P.T

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15/12/2014

15-C
TY
TƯ VẤN
C
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 743.864.350 | 105.517.267 |
| Tiền gửi ngân hàng | 4.912.173.158 | 11.244.902.999 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 5.000.000.000 | 30.920.000.000 |
| Cộng | <u>10.656.037.508</u> | <u>42.270.420.266</u> |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này được cầm cố theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 140420121/HĐCC ngày 26 tháng 6 năm 2014 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh và văn bản liên quan tới việc phát hành L/C.

2. Đầu tư ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 năm tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này được cầm cố theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 130210167/HĐCC ngày 02 tháng 10 năm 2013 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh và văn bản liên quan tới việc phát hành L/C.

3. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Các khách hàng tại Văn phòng Công ty | 8.030.289.891 | 25.328.426.428 |
| Các khách hàng tại Chi nhánh Vĩnh Long | 230.463.232 | 232.830.886 |
| Cộng | <u>8.260.753.123</u> | <u>25.561.257.314</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Nhà cung cấp xe và phụ tùng xe | 8.364.701.822 | - |
| Nhà cung cấp cầu Tadano | 1.621.532.500 | 793.432.800 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.184.457.005 | 156.043.700 |
| Cộng | <u>11.170.691.327</u> | <u>949.476.500</u> |

5. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT được hoàn trả - Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ thương mại địa ốc Hoàng Quân Mê Kông | 384.913.311 | 384.913.311 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 274.410.833 | 211.895.833 |
| Phải thu bộ phận đăng ký xe | - | 511.000.000 |
| Phải thu khác | 412.838.398 | 25.557.006 |
| Cộng | <u>1.072.162.542</u> | <u>1.133.366.150</u> |

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm | 377.022.000 | 827.400.000 |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 629.000.000 | - |
| Cộng | <u>1.006.022.000</u> | <u>827.400.000</u> |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | |
|----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 827.400.000 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 178.622.000 |
| Hoàn nhập dự phòng | - |
| Số cuối kỳ | <u>1.006.022.000</u> |

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 84.895.770.289 | 62.601.642.745 |
| Công cụ, dụng cụ | 53.820.264 | 29.850.598 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 46.722.634.116 | 17.921.649.990 |
| Thành phẩm | 39.496.826.712 | 18.365.963.272 |
| Hàng hóa | 2.520.000 | 2.520.000 |
| Cộng | <u>171.171.571.381</u> | <u>98.921.626.605</u> |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Tại Văn phòng Công ty | 934.518.324 | 482.489.253 |
| Tại Chi nhánh Vĩnh Long | 328.877.937 | 192.055.840 |
| Cộng | <u>1.263.396.261</u> | <u>674.545.093</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Tạm ứng | 1.412.292.748 | 716.228.347 |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn | 84.500.000 | 84.500.000 |
| Cộng | <u>1.496.792.748</u> | <u>800.728.347</u> |

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Tài sản cố định hữu hình khác</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 28.498.176.998 | 3.774.117.364 | 3.302.492.331 | 175.455.147 | 34.873.000 | 35.785.114.840 |
| Mua sắm mới | - | - | 94.400.000 | 58.771.817 | - | 153.171.817 |
| Số cuối kỳ | <u>28.498.176.998</u> | <u>3.774.117.364</u> | <u>3.396.892.331</u> | <u>234.226.964</u> | <u>34.873.000</u> | <u>35.938.286.657</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 37.143.600 | 520.905.335 | 1.145.495.868 | 136.160.597 | 34.873.000 | 1.874.578.400 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 8.866.835.065 | 2.528.822.231 | 1.868.599.356 | 162.639.615 | 34.873.000 | 13.461.769.267 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.244.089.564 | 217.506.440 | 154.672.680 | 7.747.786 | - | 1.624.016.470 |
| Số cuối kỳ | <u>10.110.924.629</u> | <u>2.746.328.671</u> | <u>2.023.272.036</u> | <u>170.387.401</u> | <u>34.873.000</u> | <u>15.085.785.737</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 19.631.777.352 | 1.244.859.717 | 1.434.920.133 | 11.788.371 | - | 22.323.345.573 |
| Số cuối kỳ | <u>18.387.252.369</u> | <u>1.027.788.693</u> | <u>1.373.620.295</u> | <u>63.839.563</u> | <u>-</u> | <u>20.852.500.920</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Tài sản cố định vô hình khác</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 33.946.610.142 | 253.136.480 | 83.343.389 | 34.283.090.011 |
| Tăng thuế trước bạ quyền sử dụng đất | 62.116.250 | - | - | 62.116.250 |
| Số cuối kỳ | <u>34.008.726.392</u> | <u>253.136.480</u> | <u>83.343.389</u> | <u>34.345.206.261</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 50.633.480 | 83.343.389 | 133.976.869 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 3.721.943.134 | 155.260.032 | 83.343.389 | 3.960.546.555 |
| Khấu hao trong kỳ | 399.248.229 | 20.250.300 | - | 419.498.529 |
| Số cuối kỳ | <u>4.121.191.363</u> | <u>175.510.332</u> | <u>83.343.389</u> | <u>4.380.045.084</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tài sản cố định vô hình khác | Cộng |
|------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 30.224.667.008 | 97.876.448 | - | 30.322.543.456 |
| Số cuối kỳ | 29.887.535.029 | 77.626.148 | - | 29.965.161.177 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 30.109.934.642 VND và 26.392.954.157 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

12. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Phân bổ vào chi phí trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-----------------------------------|----------------------|-------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 416.077.482 | 165.135.152 | (214.442.142) | 366.770.492 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 1.127.563.908 | 68.921.227 | (233.898.225) | 962.586.910 |
| Cộng | 1.543.641.390 | 234.056.379 | (448.340.367) | 1.329.357.402 |

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

| | |
|-------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 99.095.992 |
| Số phát sinh | 2.310.258 |
| Số cuối kỳ | 101.406.250 |

14. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 04 tháng cho từng khoản vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.11) và số tiết kiệm của Công ty (xem thuyết minh số V.1 và V.2).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

| | |
|--------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | - |
| Số tiền vay phát sinh trong kỳ | 45.960.066.182 |
| Số tiền vay đã trả trong kỳ | (24.782.820.932) |
| Số cuối kỳ | 21.177.245.250 |

15. Phải trả người bán

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhà cung cấp xe và phụ tùng xe | 3.525.100.000 | 87.062.237.760 |
| Nhà cung cấp tài sản cố định | 4.721.751.407 | 4.675.080.608 |
| Nhà cung cấp khác | 2.274.798.753 | 1.726.948.278 |
| Cộng | 10.521.650.160 | 93.464.266.646 |

50044
CÔNG
CH NGHIỆP
TOÁN
A &
VH-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Các khách hàng tại Văn phòng Công ty | 119.050.015.979 | 26.680.202.130 |
| Các khách hàng tại Chi nhánh Vĩnh Long | 101.041.155 | 64.079.450 |
| Cộng | 119.151.057.134 | 26.744.281.580 |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 2.573.278.312 | (2.573.278.312) | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 731.311.624 | (731.311.624) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu ^(*) | - | 875.200 | (12.253.572) | (11.378.372) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.034.386.693 | 3.221.269.548 | (3.314.247.144) | 1.941.409.097 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 45.183.954 | 148.897.646 | (132.346.746) | 61.734.854 |
| Các loại thuế khác | - | 4.834.076 | (4.834.076) | - |
| Cộng | 2.079.570.647 | 6.680.466.406 | (6.768.271.474) | 1.991.765.579 |

^(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (cùng kỳ năm trước là 25%).

Theo Quyết định số 2469/QĐ-TCT ngày 01 tháng 12 năm 2010 của Tổng Cục thuế, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 06 năm tiếp theo cho phần thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty di chuyển văn phòng và cơ sở sản xuất đến địa điểm, địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty được hưởng ưu đãi thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 14.116.983.518 | 9.550.822.872 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 2.208.358.146 | 2.820.526.545 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (536.151.430) | - |
| Thu nhập chịu thuế | 15.789.190.234 | 12.371.349.417 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 15.789.190.234 | 12.371.349.417 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 25% |

1815-6
CÔNG TY
HỮU
HÀ TỬ V
C
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | | | |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| | Năm nay | Năm trước | | |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i> | <u>3.473.621.851</u> | <u>3.092.837.354</u> | | |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Quyết định số 2469/QĐ-TCT</i> | <u>(252.352.303)</u> | <u>(1.376.049.868)</u> | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | <u>3.221.269.548</u> | <u>1.716.787.486</u> | | |
| Các loại thuế khác | | | | |
| Công ty kê khai và nộp theo qui định. | | | | |
| 18. Phải trả người lao động | | | | |
| Tiền lương tháng 6 và khoản tiền lương tháng 13 phải trả cho người lao động. | | | | |
| 19. Chi phí phải trả | | | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> | | |
| Chi phí hoa hồng | 248.066.962 | 591.145.105 | | |
| Chi phí khác | 161.180.268 | 241.272.131 | | |
| Cộng | <u>409.247.230</u> | <u>832.417.236</u> | | |
| 20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | | | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> | | |
| Kinh phí công đoàn | 139.290.285 | 74.701.945 | | |
| Cổ tức phải trả | 13.030.807.000 | 1.030.807.000 | | |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 412.992.546 | 327.423.972 | | |
| Cộng | <u>13.583.089.831</u> | <u>1.432.932.917</u> | | |
| 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | | | |
| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
| Quỹ khen thưởng | 818.591.153 | 2.110.336.217 | (601.268.866) | 2.327.658.504 |
| Quỹ phúc lợi | 446.406.514 | 1.055.168.108 | (706.104.289) | 795.470.333 |
| Cộng | <u>1.264.997.667</u> | <u>3.165.504.325</u> | <u>(1.307.373.155)</u> | <u>3.123.128.837</u> |
| 22. Phải trả dài hạn khác | | | | |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho người lao động. Chi tiết như sau: | | | | |
| Số đầu năm | | | | 792.767.933 |
| Số trích lập bổ sung | | | | 24.510.562 |
| Số đã chi | | | | <u>(3.508.218)</u> |
| Số cuối kỳ | | | | <u>813.770.277</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 80.000.000.000 | 4.104.516.756 | 4.199.905.505 | 88.304.422.261 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 21.103.362.167 | 21.103.362.167 |
| Chuyển quỹ dự phòng tài chính sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | (4.104.516.756) | 4.104.516.756 | - |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | (679.427.003) | (679.427.003) |
| Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | - | - | (261.000.000) | (261.000.000) |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | (8.000.000.000) | (8.000.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 80.000.000.000 | - | 20.467.357.425 | 100.467.357.425 |
| Số dư đầu năm nay | 80.000.000.000 | - | 20.467.357.425 | 100.467.357.425 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | 10.898.024.228 | 10.898.024.228 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này | - | - | (3.165.504.325) | (3.165.504.325) |
| Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | - | - | (530.000.000) | (530.000.000) |
| Chia cổ tức trong kỳ | - | - | (12.000.000.000) | (12.000.000.000) |
| Số dư cuối kỳ này | 80.000.000.000 | - | 15.669.877.328 | 95.669.877.328 |

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------|----------|----------------------|
| Trả cổ tức năm trước | - | - |
| Tạm ứng cổ tức | - | 3.997.406.000 |
| Cộng | - | 3.997.406.000 |

Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.000.000 | 8.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng doanh thu | 227.646.579.943 | 200.557.318.799 |
| - Doanh thu bán xe | 206.541.899.261 | 187.302.777.466 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán phụ tùng | 21.076.739.187 | 13.196.572.224 |
| - Doanh thu khác | 27.941.495 | 57.969.109 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | (34.545.455) |
| Doanh thu thuần | 227.646.579.943 | 200.522.773.344 |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu thuần bán xe | 206.541.899.261 | 187.268.232.011 |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và bán phụ tùng | 21.076.739.187 | 13.196.572.224 |
| - Doanh thu thuần khác | 27.941.495 | 57.969.109 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn bán xe | 197.158.413.731 | 169.346.916.512 |
| Giá vốn dịch vụ và bán phụ tùng | 16.122.596.258 | 10.230.397.230 |
| Cộng | 213.281.009.989 | 179.577.313.742 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 592.624.289 | 502.974.893 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 63.108.523 | 104.377.332 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 2.001.054 | 358.557 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 5.095.369 | - |
| Doanh thu tài chính khác | 2.877.135 | 1.412.177 |
| Cộng | 665.706.370 | 609.122.959 |

4. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 387.678.582 | 844.915.929 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 32.352.999 | 29.166.423 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 46.670.799 | 41.048.964 |
| Chi phí tài chính khác | 64.732 | 3.493 |
| Cộng | 466.767.112 | 915.134.809 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 1.669.788.318 | 1.318.838.702 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 168.489.533 | 71.623.733 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 140.076.682 | 140.907.772 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.650.018.722 | 895.867.921 |
| Chi phí khác | 3.822.267.193 | 4.430.574.680 |
| Cộng | 7.450.640.448 | 6.857.812.808 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 3.187.595.851 | 2.792.712.197 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 171.912.707 | 71.461.738 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.140.155.750 | 1.128.021.127 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 519.871.857 | 394.191.749 |
| Chi phí khác | 1.046.606.901 | 714.086.029 |
| Cộng | 6.066.143.066 | 5.100.472.840 |

7. Thu nhập khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thưởng doanh số mua hàng từ Công ty liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam | 11.978.348.729 | 636.500.000 |
| Thu tiền hỗ trợ tổ chức hội nghị khách hàng và đầu tư Trung tâm Hino 3S Đà Nẵng | 1.090.909.091 | 200.000.000 |
| Thu nhập khác | - | 36.892.168 |
| Cộng | 13.069.257.820 | 873.392.168 |

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.898.024.228 | 7.831.478.386 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 10.898.024.228 | 7.831.478.386 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 8.000.000 | 8.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.362 | 979 |

12
11
10
9
8
7
6
5
4
3
2
1
0
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859
860
861
862
863
864
865
866
867
868
869
870
871
872
873
874
875
876
877
878
879
880
881
882
883
884
885
886
887
888
889
890
891
892
893
894
895
896
897
898
899
900
901
902
903
904
905
906
907
908
909
910
911
912
913
914
915
916
917
918
919
920
921
922
923
924
925
926
927
928
929
930
931
932
933
934
935
936
937
938
939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949
950
951
952
953
954
955
956
957
958
959
960
961
962
963
964
965
966
967
968
969
970
971
972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982
983
984
985
986
987
988
989
990
991
992
993
994
995
996
997
998
999
1000

044E
ÔNG
+NHẬN
TOÁN V
A &
7-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 148.277.315.947 | 127.295.306.253 |
| Chi phí nhân công | 9.404.599.116 | 7.449.022.451 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.043.514.999 | 2.029.280.364 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.511.488.753 | 1.589.343.229 |
| Chi phí khác | 5.303.639.076 | 5.476.873.527 |
| Cộng | 167.540.557.891 | 143.839.825.824 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Hợp đồng quan trọng

Công ty đã ký một hợp đồng đại lý (sau đây gọi là Hợp đồng) với Công ty liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam (sau đây gọi là Hino) vào ngày 01 tháng 01 năm 2010, theo đó Công ty được chỉ định là nhà đại lý của Hino trong khu vực miền nam từ tỉnh Khánh Hòa đến tỉnh Cà Mau. Các điều khoản quan trọng trong hợp đồng này như sau:

- Theo hợp đồng này, tất cả các hợp đồng, giao dịch và hoạt động mà Công ty thực hiện đều đứng tên và bằng tài khoản của Công ty, quyền lợi và rủi ro của Công ty và Công ty sẽ không đại diện như là đại lý của Hino hoặc thực hiện bất cứ giải trình nào thay mặt Hino;
- Công ty sẽ không được bán bất kỳ sản phẩm nào của Hino bên ngoài khu vực kinh doanh một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, trừ khi Hino phê duyệt giao dịch bằng văn bản;
- Công ty sẽ không thực hiện bất cứ một hợp đồng đại lý với bất kỳ cá nhân, công ty và/hoặc tổ chức cho mục đích bán hoặc đại lý các sản phẩm được xem là cạnh tranh với sản phẩm của Hino, trừ khi Hino phê duyệt bằng văn bản trước khi thực hiện các hợp đồng này;
- Công ty sẽ đảm nhận việc cung cấp dịch vụ cho các sản phẩm Hino và bán phụ tùng của Hino;
- Công ty sẽ cung cấp dịch vụ bảo trì trước và sau khi bán;
- Hino sẽ bán cho Công ty các sản phẩm của Hino với mức giá đại lý đang có hiệu lực vào thời gian giao hàng và nêu trong bảng giá hiện thời. Hino có quyền thay đổi giá, chiết khấu, điều khoản và điều kiện ảnh hưởng đến sản phẩm của Hino bất kỳ lúc nào trong vòng 30 ngày sau khi phát hành bảng giá hoặc thông báo mới;
- Chính sách bảo hành của Hino cho Công ty đối với tất cả các xe mới sẽ được quy định trong Chứng nhận bảo hành giao cho người mua.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương | 638.265.604 | 618.743.500 |
| Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 530.000.000 | 261.000.000 |
| Cộng | 1.168.265.604 | 879.743.500 |

15-C
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
C
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| Sumitomo Corporation | Cổ đông góp 25,56% vốn điều lệ |
| Chairatchakarn (BangKok) Co., Ltd | Cổ đông góp 18,00% vốn điều lệ |

Trong kỳ Công ty chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Sumitomo Corporation | | |
| Mua hàng hóa, nguyên vật liệu | 2.155.155.980 | 2.709.404.620 |
| Cổ tức phải trả | 3.066.664.500 | 1.022.221.591 |
| Chairatchakarn (BangKok) Co., Ltd | | |
| Cổ tức phải trả | 2.160.000.000 | - |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | | |
| Sumitomo Corporation | | |
| Cổ tức phải trả | 4.088.886.000 | 1.022.221.500 |
| Chairatchakarn (BangKok) Co., Ltd | | |
| Cổ tức phải trả | 2.160.000.000 | - |
| Cộng nợ phải trả | 6.248.886.000 | 1.022.221.500 |

Giá mua hàng hóa từ Sumitomo Corporation được thực hiện theo giá thỏa thuận.

3. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, kinh doanh sản phẩm xe tải và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và hầu hết khách hàng đều phải ứng tiền trước từ 60% đến 90% giá trị hợp đồng trước khi bàn giao xe và thanh toán phần còn lại sau 10 ngày đến 45 ngày kể từ ngày bàn giao xe. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | <u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.656.037.508 | - | - | 10.656.037.508 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4.108.000.000 | - | - | 4.108.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 5.696.013.123 | 50.000.000 | 2.514.740.000 | 8.260.753.123 |
| Các khoản phải thu khác | 773.171.105 | - | - | 773.171.105 |
| Cộng | 21.233.221.736 | 50.000.000 | 2.514.740.000 | 23.797.961.736 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 42.270.420.266 | - | - | 42.270.420.266 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4.108.000.000 | - | - | 4.108.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 22.803.257.314 | - | 2.758.000.000 | 25.561.257.314 |
| Các khoản phải thu khác | 379.240.233 | - | - | 379.240.233 |
| Cộng | 69.560.917.813 | - | 2.758.000.000 | 72.318.917.813 |

Thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá từ 06 tháng đến dưới 01 năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Cộng |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Vay và nợ | 21.177.245.250 | - | 21.177.245.250 |
| Phải trả người bán | 10.521.650.160 | - | 10.521.650.160 |
| Các khoản phải trả khác | 13.764.113.564 | - | 13.764.113.564 |
| Cộng | 45.463.008.974 | - | 45.463.008.974 |
| Số đầu năm | | | |
| Vay và nợ | - | - | - |
| Phải trả người bán | 93.464.266.646 | - | 93.464.266.646 |
| Các khoản phải trả khác | 1.863.224.236 | - | 1.863.224.236 |
| Cộng | 95.327.490.882 | - | 95.327.490.882 |

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch là JPY cũng như thanh toán một số khoản chi phí hoạt động khác bằng USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ USD của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 23,210.04 | 18,515.96 |
| Phải trả người bán | (222,241.90) | (222,241.90) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | (199.031,86) | (203.725,94) |

300
NG
PH
AI V
H
T
30+4
ÔNG
NHÌEM
TOÁN V
A &
H-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản/(nợ phải trả) thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.000.000.000 | 30.920.000.000 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4.108.000.000 | 4.108.000.000 |
| Vay và nợ | (21.177.245.250) | - |
| Tài sản/ (Nợ phải trả) thuần | <u>(12.069.245.250)</u> | <u>35.028.000.000</u> |

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý

Tài sản đảm bảo

Tài sản cầm cố cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính cầm cố cho đơn vị khác như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Các khoản tương đương tiền | 5.000.000.000 | 30.920.000.000 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4.108.000.000 | 4.108.000.000 |
| Cộng | <u>9.108.000.000</u> | <u>35.028.000.000</u> |

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

15-C
TY
HỮU H
À TU V
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô số 46 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.656.037.508 | | 42.270.420.266 | - | 10.656.037.508 | 42.270.420.266 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4.108.000.000 | | 4.108.000.000 | - | 4.108.000.000 | 4.108.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 8.260.753.123 | (1.006.022.000) | 25.561.257.314 | (827.400.000) | 7.254.731.123 | 24.733.857.314 |
| Các khoản phải thu khác | 773.171.105 | | 379.240.233 | - | 773.171.105 | 379.240.233 |
| Cộng | 23.797.961.736 | (1.006.022.000) | 72.318.917.813 | (827.400.000) | 22.791.939.736 | 71.491.517.813 |

Nợ phải trả tài chính


| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Vay và nợ | 21.177.245.250 | - | 21.177.245.250 |
| Phải trả người bán | 10.521.650.160 | 93.464.266.646 | 10.521.650.160 | 93.464.266.646 |
| Các khoản phải trả khác | 13.764.113.564 | 1.863.224.236 | 13.764.113.564 | 1.863.224.236 |
| Cộng | 45.463.008.974 | 95.327.490.882 | 45.463.008.974 | 95.327.490.882 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản mục này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2014


Đặng Thị Thanh Hiếu
Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Phương
Phó Giám đốc điều hành

Tp HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2014

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG**

Mã chứng khoán: **HTL**

Địa chỉ trụ sở chính: **Lô 46, Đường 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM**

Điện thoại: **08 3 754 3188**

Fax: **08 3 754 3189**

Người thực hiện công bố thông tin: **Lã Thị Thanh Phương**

Địa chỉ: **Lô 46, Đường 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM**

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): **08 3 754 3188**

Fax: **08 3 754 3189**

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: toàn văn Báo cáo tài chính giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2014 tại đường dẫn: <http://www.truonglong.com/quanhecodong.html>, của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và
các tài liệu có liên quan

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương